

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 16 - 6 - 2021  
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N Đ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hằng.
2. Bà Trần Thị Mỹ Huệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 145/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Tr, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Thôn A, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Đức Tr, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi Lê Bùi Bảo Tr, sinh ngày 07/10/2019 theo đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý của chị Bùi Thị Tr:* Bà Nguyễn Thị S, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Tr trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Đức Tr có đăng ký kết hôn vào ngày 09/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thành phố H được khoảng 03 tháng thì anh Tr về nhà nội ở huyện N Đ để sống, chị Tr tiếp tục ở lại thành phố H để đi học. Sau khi sinh con thì chị Tr chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tr không có trách nhiệm với vợ con, ham chơi, thường xuyên ăn nhậu, vợ chồng tính tình không hợp, gia đình nhà chồng gây áp lực khiến chị Tr bị trầm cảm. Chị Tr có góp ý nhiều lần nhưng anh Tr vẫn không thay đổi, còn có hành vi đánh đập chị Tr. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, nên chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Tr để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là Lê Bùi Bảo Tr, sinh ngày 07/10/2019. Hiện nay đang do chị Tr chăm sóc, nuôi dưỡng, khi ly hôn chị Tr có nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr và yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết

*\* Đối với bị đơn anh Lê Đức Tr:*

Tòa án đã thực hiện tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh Tr. Tuy nhiên, anh Tr vẫn không đến Tòa án để giải quyết yêu cầu ly hôn của chị Tr. Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập anh Tr. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 27/5/2021, anh Tr vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết công khai quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế, thể hiện: Chị Bùi Thị Tr và anh Lê Đức Tr có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 09/02/2012; hiện tại vợ chồng chị Tr, anh Tr không sống chung với nhau. Các thủ tục tố tụng Tòa án gửi thì Ủy ban nhân dân xã H đã tổng đạt trực tiếp cho anh T, nhưng anh Tr từ chối nhận mà không nói rõ lý do.

*\* Ý kiến bà Nguyễn Thị S - Trợ giúp viên pháp lý của Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế là người bảo vệ quyền và lợi ích cho cháu Lê Bùi Bảo Tr, sinh ngày 07/10/2019:*

Trợ giúp viên pháp lý đã gặp gỡ, tìm hiểu về cuộc sống cũng như điều kiện của chị Bùi Thị Tr. Do cháu Tr còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, nên theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì cần giao cháu Tr cho chị Tr chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do anh Tr vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, việc chị Tr yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi cháu Tr 1.500.000 đồng/1 tháng là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N Đ phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, kể từ thời điểm thụ lý vụ án đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; áp dụng khoản 2 Điều 3, Điều 37, 38, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, 81, 82, 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Tr đối với anh Lê Đức Tr.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Bùi Bảo Tr cho chị Tr tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lê Đức Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/1 tháng.

+ Tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị Tr không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Tr, anh Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị Tr có đơn khởi kiện xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản đối với anh Lê Đức Tr, có địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Đức Tr được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Tr cố tình vắng mặt. Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đến nay, anh Tr vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào khoản 2, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Tr.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Tr và anh Lê Đức Tr có đăng ký kết hôn ngày 28/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế, hai bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Trong quá trình chung sống do mâu thuẫn vợ chồng, tính tình không hòa hợp, anh Tr không lo làm ăn, gia đình bên nội gây áp lực. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần anh Tr đến Tòa án làm việc và hòa giải nhưng anh Tr không đến, chứng tỏ anh Tr không có thiện chí mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Tr.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung, cháu tên Lê Bùi Bảo Tr, sinh ngày 07/10/2019. Xét thấy, từ khi sinh ra cho đến nay chị Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tr, việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr được đảm bảo về mọi mặt. Ngoài ra, chị Tr có công việc ổn định và nơi cư trú rõ ràng nên giao cháu Tr cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tr đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Tr yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Sau khi ly hôn, anh Lê Đức Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Bùi Thị Tr không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; anh Lê Đức Tr phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con có định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 179, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 24 Điều 3, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Tr. Chị Bùi Thị Tr được ly hôn anh Lê Đức Tr.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Bùi Bảo Tr, sinh ngày 07/10/2019 cho chị Bùi Thị Tr tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Đức Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/1 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người con chung Lê Bùi Bảo Tr đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh Lê Đức Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Bùi Thị Tr không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Bùi Thị Tr phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Tr đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 008283 ngày 29/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị Tr đã nộp đủ án phí. Anh Lê Đức Tr phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bùi Thị Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn anh Lê Đức Tr vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện N Đ;
- Chi cục THADS huyện N Đ;
- UBND xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

(đã ký và đóng dấu)

**Trần Ngọc Tú**